ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH 4 - HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2005

I. Từ vựng từ bài 1 đến bài 10:

Vocabulary	*Meaning*	*Vocabulary*	*Meaning*
Unit 1: My friends			
America	nước Mỹ	Malaysia	nước Ma-lay-xi-a
Australia	nước Úc	Singapore	nước Xin-ga-po
Britain	nước Anh	Thailand	nước Thái Lan
Japan	nước Nhật	Viet Nam	nước Việt Nam
Unit 2: Time and daily routine			
fifteen	số 15	get up	thức dậy
forty-five	số 45	go to bed	đi ngủ
o'clock	giờ đúng	go to school	đi học
thirty	Số 30	have breakfast	ăn sáng
do homework	làm bài tập về nhà	have lunch	ăn trưa
chat with friends	trò chuyện cùng bạn	have dinner	ăn tối
Unit 3: My week			
Monday	Thứ 2	listen to music	nghe nhạc
Tuesday	Thứ 3	do housework	làm việc nhà
Wednesday	Thứ 4	study at school	học ở trường
Thursday	Thứ 5	stay at home	ở nhà
Friday	Thứ 6	at the weekend	cuối tuần
Saturday	Thứ 7	watch TV	xem ti vi
Sunday	Chủ nhật	today	hôm nay
Unit 4: My birthday party			
January	Tháng 1	June	Tháng 6
February	Tháng 2	July	Tháng 7
March	Tháng 3	August	Tháng 8
April	Tháng 4	September	Tháng 9
May	Tháng 5	October	Tháng 10
birthday	ngày sinh	November	Tháng 11
grape	quả nho	December	Tháng 12
jam	mứt	lemonade	nước chanh
juice	nước ép	party	buổi tiệc
chip	Khoai tây chiên	water	nước
Unit 5: Things we can do			
can	có thể, biết (làm gì)	ride a horse	cưỡi ngựa
cook	nấu ăn	roller skate	trượt pa tin
play the piano	chơi đàn piano	swim	bơi lội
play the guitar	chơi đàn ghi ta	but	nhưng
ride a bike	đạp xe	draw a picture	vẽ tranh

LIVEWORKSHEETS

Unit 6: Our school facilities			
in the city	ở thành phố	garden	khu vườn
in the mountains	ở vùng núi	playground	sân chơi
in the town	ở thị trấn	building	Tòa nhà
in the village	ở làng quê	computer room	phòng tin học
Unit 7: Our timetables			
art	môn Mĩ thuật	music	môn Âm nhạc
English	môn Tiếng Anh	science	môn Khoa học
history and geography	môn Lịch sử và Địa lí	Vietnamese	môn Tiếng Việt
maths	môn Toán, toán học	IT	môn Tin học
subject	môn học	PE	môn thể dục
Unit 8: My favourite subjects			
English teacher	giáo viên (dạy TAnh)	painter	họa sĩ
maths teacher	giáo viên (dạy Toán)	singer	ca sĩ
favourite	yêu thích	because	bởi vì
write a story	viết truyện	why	tại sao
Unit 9: Our sports day			
sports day	ngày hội thể thao	sports	thể thao
games	trò chơi	different	khác nhau
Unit 10: Our summer holiday			
beach	bãi biển	Bangkok	Băng Cốc (thủ đô của nước Thái Lan
campsite	địa điểm cắm trại	Sydney	Xít-ni (thành phố của nước Úc
countryside	nông thôn, vùng quê	Tokyo	To-ky-o(thủ đô nước Nhật)
last	trước, lần trước	London	Luân đôn (thủ đô nước Anh)

LIVEWORKSHEETS